

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG

Bản án số: 10/2025/DS-ST
Ngày: 15 - 01 - 2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông: Nguyễn Thành Quyền;
- Ông: Nguyễn Văn Dương.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2024/TLST-DS, ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2024/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam.

Địa chỉ: số 169, phố Linh Đường, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người được ủy quyền khởi kiện: Ông Phạm Công Thảo, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đinh Công Toàn, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Trần Thị X, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp Phương Lạc, xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Hồ Thanh Ng.

Địa chỉ: ấp Phương Lạc, xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày: Bị đơn Trần Thị X có vay của Ngân hàng chính sách xã hội hai khoản vay như sau:

1. Khoản vay thứ nhất: Ngày 18/5/2009, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội (Gọi tắt là Ngân hàng) có cho bị đơn **Trần Thị Xuân** vay vốn theo đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và sổ vay vốn có mã món vay: 60000076500118389, cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 8.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Khoan cây nước;
- Thời hạn vay: 60 tháng (Từ ngày 18/5/2009 đến ngày 18/5/2014);
- Lãi suất cho vay: 10,8%/năm cố định trong suốt thời gian cho vay;
- Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 130% lãi suất trong hạn;
- Lãi suất áp dụng hiện tại: 14,04%/năm;
- Lịch trả nợ gốc và lãi: Trả nợ gốc 06 tháng/lần và lãi định kỳ vào ngày 12 hàng tháng;
- Tài sản đảm bảo tiền vay: Không có bảo đảm bằng tài sản (Thông qua ủy thác của Hội phụ nữ xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp).

Từ ngày vay đến nay bị đơn đã trả cho Ngân hàng 4.598.581 đồng tiền lãi, chưa trả nợ gốc.

Từ ngày 18/3/2014, bị đơn không thanh toán nợ đúng hạn theo thỏa thuận nên Ngân hàng đã chuyển dư nợ vay của bị đơn sang nợ quá hạn.

Đối với khoản vay thứ nhất bị đơn còn thiếu tổng số tiền 19.753.033 đồng. Trong đó nợ gốc: 8.000.000 đồng và lãi suất tính đến ngày 15 tháng 01 năm 2015 là 11.753.033 đồng (Đã trừ số tiền lãi đã đóng).

2. Khoản vay thứ hai: Ngày 12/10/2014, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội (Gọi tắt là Ngân hàng) có cho bị đơn **Trần Thị Xuân** vay vốn theo đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và sổ vay vốn có mã món vay: 6600000702600368, cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 29.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Cải tạo vườn trồng cam;
- Thời hạn vay: 48 tháng (Từ ngày 12/10/2014 đến ngày 12/10/2018);

- Lãi suất cho vay: 7,92%/năm cố định trong suốt thời gian cho vay;
- Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 130% lãi suất trong hạn;
- Lãi suất áp dụng hiện tại: 10,296%/năm;
- Lịch trả nợ gốc và lãi: Trả nợ gốc 12 tháng/lần và lãi định kỳ vào ngày 12 hàng tháng;
- Tài sản đảm bảo tiền vay: Không có bảo đảm bằng tài sản Thông qua ủy thác của Hội phụ nữ xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp).

Từ ngày vay đến nay bị đơn đã trả cho Ngân hàng 1.332.379 đồng tiền lãi, chưa trả nợ gốc.

Đối với khoản vay thứ hai bị đơn còn thiếu tổng số tiền 55.569.651 đồng. Trong đó nợ gốc: 29.000.000 đồng và lãi suất tính đến ngày 15 tháng 01 năm 2025 là 26.569.651 đồng (Đã trừ số tiền lãi đã đóng).

Từ ngày 12/10/2018, bị đơn không thanh toán nợ đúng hạn theo thỏa thuận nên Ngân hàng đã chuyển dư nợ vay của bị đơn sang nợ quá hạn.

Ngân hàng hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bị đơn Trần Thị X có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng hàng tổng số tiền của hai khoản vay trên là 75.322.684 đồng. Trong đó nợ gốc: 37.000.000 đồng, lãi suất tính đến ngày 15 tháng 01 năm 2025 là 38.322.684 đồng (Đã trừ số tiền lãi đã đóng). Đồng thời phải chịu lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn Trần Thị X và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Thanh Ng vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn **Trần Thị X** và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Thanh Ng được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ Điều 227, 228, 238

Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Thông qua ủy thác của Hội Liên hiệp phụ nữ xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp. Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Phụng Hiệp có cho **Trần Thị X vay tiền theo** hai hợp đồng tín dụng được ký kết 18 tháng 5 năm 2009, vay 8.000.000 đồng và hợp đồng ngày 12 tháng 10 năm 2014, vay 29.000.000 đồng.

[3.1] Sau khi vay thì bị đơn chỉ đóng lãi cho khoản vay thứ nhất là 4.598.581 đồng và đóng lãi cho khoản vay thứ hai là 1.332.379 đồng, sau đó không tiếp tục đóng lãi. Về nợ gốc thì chưa thanh toán. Cho nên Ngân hàng yêu cầu trả nợ gốc của hai khoản vay 37.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất các bên thỏa thuận của khoản vay thứ nhất 10,8%/năm và của khoản vay thứ hai 7,92%/năm, lãi quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn. Xét lãi suất các bên thỏa thuận không vi phạm theo quy định Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên mức lãi suất này được áp dụng để giải quyết. Từ đó yêu cầu trả lãi suất của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận (Có bảng kê chi tiết tính lãi kèm theo hồ sơ).

[3.3] Qua phân tích, đánh giá chứng cứ, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Có căn cứ buộc **Trần Thị X** có nghĩa vụ trả ngân hàng tổng số tiền của hai khoản vay là 75.322.684 đồng. Trong đó nợ gốc: 37.000.000 đồng. Lãi suất tính đến ngày 15 tháng 01 năm 2025 của cả hai khoản vay là 38.322.684 đồng (Đã khấu trừ tiền lãi đã đóng). Đồng thời, phải chịu lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: **Trần Thị X** phải nộp 5% đối với giá trị tài sản có nghĩa vụ đối với Ngân hàng:

$$75.322.684 \text{ đồng} \times 5\% = 3.766.134 \text{ đồng.}$$

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 238 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 471, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, tương ứng với các Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc **Trần Thị X** có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam tổng số tiền của hai khoản vay là 75.322.684đ (Bảy mươi lăm triệu ba trăm hai mươi hai ngàn sáu trăm tám mươi bốn đồng). Trong đó nợ gốc 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng) và lãi suất tính đến ngày 15 tháng 01 năm 2025 là 38.322.684đ (Ba mươi tám triệu ba trăm hai mươi hai ngàn sáu trăm tám mươi bốn đồng).

Thời gian trả nợ do Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật.

- Án phí dân sự sơ thẩm: **Trần Thị X** phải nộp 3.766.134đ (Ba triệu bảy trăm sáu mươi sáu ngàn một trăm ba mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm **Trần Thị X** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất giữa các bên thỏa thuận theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà **Trần Thị X** vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THA huyện PH;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Liêm